TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2020
"V/v Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thanh Giảng

2. Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Châu Thị S – sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Hoàng K – sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải bà Châu Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà S và ông Nguyễn Hoàng K kết hôn với nhau từ năm 2006, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, ngày 12/12/2019 sau khi bà làm thủ tục xin xác nhận về hôn nhân thì được UBND xã Ninh Thạnh Lợi trả lời ông, bà không có hồ sơ lưu trữ việc kết hôn trong sổ đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng do sau đó do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà và ông K đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn

Hoàng K.

Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Như H – sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Minh Đăng – sinh ngày 28/01/2012. Bà xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ông Nguyễn Hoàng K trình bày:

Về hôn nhân như bà S trình bày là đúng. Ông và bà S hiện tại không có giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nên xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà Châu Thị S.

Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Như H – sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 28/01/2012. Ông đồng ý giao hai con cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Châu Thị S và ông Nguyễn Hoàng K, ghi nhận sự thỏa thuận của bà S và ông K về con chung. Về án phí, bà S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 và khoản 7 Điều 28 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương. Đối với quan hệ hôn nhân thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Đối với ông Nguyễn Hoàng K vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 01 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị S và ông Nguyễn Hoàng K đều thừa nhận kết hôn với nhau từ năm 2006, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, khi bà S làm thủ tục xin xác nhận về hôn nhân thì được UBND xã Ninh Thạnh Lợi trả lời bà S và ông K không có hồ sơ lưu trữ việc kết hôn trong sổ đăng

ký kết hôn. Mặt khác, bà S và ông K đều thừa nhận ông, bà không có giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà S và ông K đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định :"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý….".* Theo đó, hôn nhân giữa bà Châu Thị S và ông Nguyễn Hoàng K là không hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà Châu Thị S xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K: Nhận thấy bà S và ông K là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng bà S và ông K đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….".* Do hôn nhân giữa bà S và ông K vi phạm Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và bà S có yêu cầu xin ly hôn đối với ông K nên Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Châu Thị S và ông Nguyễn Hoàng K theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Như H – sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Minh Đăng – sinh ngày 28/01/2012. Bà S và ông K đã thỏa thuận giao hai cháu Như H và Minh Đ cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Như H và Minh Đ và phù hợp với các Điều 15, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận về con chung của các đương sự.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, về thủ tục tố tụng Hội đồng xét xử ghi nhận. Về nội dung vụ án, đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các Điều 144, 146 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Châu Thị S có yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K nên bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Số tiền án phí bà S phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000034 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Châu Thị S và ông Nguyễn Hoàng K.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Thị Như H – sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 28/01/2012. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà S và ông K về con chung như sau: Giao hai cháu Như H và Minh Đ cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, bà S và ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Thị S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí bà S phải nộp được khấu trừ vào số tiền án phí tạm nộp là 300.000đ theo lai thu số 0000034 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho bà S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/02/2020). Ông K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Thi Hành án Dân sự H. K ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

Lê Thị Diễm